

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
Quyền sử dụng đất ở tại xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Hà Long - Địa chỉ: Thôn Hoàng Vân, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tên tài sản, nơi có tài sản đấu giá:

* Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm: 44 lô đất (Lô 37, lô 38, từ lô số 49 đến lô 68, từ lô số 185 đến lô số 195, từ lô số 202 đến lô số 212) tại Mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồi, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hoá) đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 04/6/2018. Diện tích từ 138 m²/lô đến 147,9 m²/lô.

- Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 6165,5 m².

- Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

* Giấy tờ về tài sản đấu giá: Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của UBND xã Hà Long về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở hộ gia đình, cá nhân tại xã Hà Long, huyện Hà Trung.

* Nơi có tài sản đấu giá: Mặt bằng quy hoạch khu dân cư Đồi, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Hà Long, tỉnh Thanh Hoá).

3. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiền đặt trước:

- Giá khởi điểm: 6.250.000 đồng/m².

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 100.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tiền đặt trước: Từ 172.500.000 đồng/1 lô đến 184.875.000 đồng /1 lô.

4. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trong giờ hành chính tại:

- Ủy ban nhân dân xã Hà Long từ ngày 10/12/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 22/12/2025.

- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa từ ngày 10/12/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 23/12/2025.

b) Thời gian nộp tiền đặt trước:

* Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 10/12/2025 đến 18 giờ 00 phút ngày 23/12/2025.



Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: 5012347999 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (BIDV).

c) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;
- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân kèm theo;
- Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;
- Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

5. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Bắt đầu 08 giờ 00 phút ngày 26/12/2025 tại Nhà văn hoá xã Hà Long (địa chỉ: Thôn Hoàng Văn, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa).

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

7. Bước giá: 1%, là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453./.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải thông báo này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Đăng Báo Thanh Hoá (10/12/2025);
- Đăng Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS (10/12/2025 và 13/12/2025);
- Đăng Cổng TTĐT UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, HS.

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
DỊCH VỤ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
THANH HÓA

Mai Văn Đông



PHỤ LỤC

Giá khởi điểm, tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH xã Hà Long, tỉnh Thanh Hoá

STT	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Tổng số tiền lô đất (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/lô)
1	37	147,9	6.250.000	924.375.000	184.875.000	100.000
2	38	145,6	6.250.000	910.000.000	182.000.000	100.000
3	49	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
4	50	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
5	51	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
6	52	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
7	53	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
8	54	138	6.250.000	862.500.000	172.500.000	100.000
9	55	138	6.250.000	862.500.000	172.500.000	100.000
10	56	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
11	57	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
12	58	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
13	59	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
14	60	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
15	61	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
16	62	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
17	63	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
18	64	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
19	65	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
20	66	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
21	67	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
22	68	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
23	185	138	6.250.000	862.500.000	172.500.000	100.000
24	186	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000

25	187	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
26	188	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
27	189	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
28	190	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
29	191	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
30	192	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
31	193	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
32	194	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
33	195	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
34	202	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
35	203	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
36	204	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
37	205	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
38	206	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
39	207	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
40	208	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
41	209	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
42	210	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
43	211	140	6.250.000	875.000.000	175.000.000	100.000
44	212	138	6.250.000	862.500.000	172.500.000	100.000
Cộng		6165,5		38.534.375.000	7.359.375.000	